

Bản án số: 103/2023/HSST

Ngày: 12 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận,

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2023/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HS ngày 25/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức L (tên gọi khác: không), sinh ngày: 05/11/1987, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân cư số 02, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Thôn Mỹ H, xã Thanh H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Viên chức – Trung tâm quản lý đất đai huyện Mường N, tỉnh Điện Biên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức L (Đã chết) và bà Trần Thị K, sinh năm 1958; Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1991 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Thị N (tên gọi khác: không), sinh ngày 29/4/1979, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Số 60, đường T, phường Q, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: M, Khu đấu giá K, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công chức (Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ tổ dân phố M, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội thuộc Quận Ủy Đ, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Trọng N, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1957; Chồng thứ nhất: Tô Hải D, sinh năm 1971 (đã ly hôn năm 2004); chồng thứ hai: Trần Ngọc L, sinh năm 1969 (đã ly hôn năm 2019). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999,

con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2023 tại M, Khu đấu giá K, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ dân cư số 02, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn T – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, Phó phòng TNMT huyện Mường N, tỉnh Điện Biên (Theo giấy ủy quyền số 82 ngày 30/8/2023), vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Bùi Ngọc B, sinh ngày 22/4/1987; Địa chỉ: Bản Đoàn Kết, xã Chung Chải, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/6/1990; Nơi thường trú: Tổ dân phố 01, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Thanh H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/5/1981; Địa chỉ: Tổ dân cư số 02, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Ông Quảng Văn H, sinh ngày 24/12/1973; Địa chỉ: Tổ dân cư số 02, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bà Đồng Thị D, sinh ngày 20/02/1978; Địa chỉ: Tổ dân cư số 02, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 08/11/1983; Nơi thường trú: Tổ dân cư số 01, xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Him L, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện Mường N ban hành Quyết định số 2027/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án “*Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N*” cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N (Viết tắt là Phòng TNMT huyện Mường N). Ngày 19/6/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (KTKT) đầu tư xây dựng Công trình Bãi xử lý rác thải tại Trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N, tổng dự toán được duyệt là: **14.534.000.000** đồng, trong đó: Chi phí xây dựng là **9.363.147.612** đồng; chi phí quản lý dự án là **198.966.887** đồng; chi phí tư vấn là **963.862.466** đồng; chi phí khác là **38.207.040** đồng; chi phí giải phóng mặt bằng là **543.512.000** đồng; chi phí dự phòng là **3.426.303.995** đồng. Ngày 07/10/2014, Ủy ban nhân dân huyện Mường N ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu xây lắp công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N; đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Trung N. Ngày 08/10/2014, Phòng TNMT huyện Mường N ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 20/2014/HĐ-XD với Công ty TNHH Trung N;

đến ngày 05/4/2017, hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng số 20A/2017/PLHD-XD để điều chỉnh, bổ sung một số điều khoản của Hợp đồng thi công xây dựng số 20/2014/HD-XD bổ sung nhà thầu phụ thi công gói thầu xây lắp công trình: Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N là Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thiện T.

Quá trình thực hiện dự án, Nguyễn Đức L - Kế toán Phòng TNMT huyện Mường N được giao nhiệm vụ thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư. Ngày 18/4/2018, Nguyễn Đức L viết Ủy nhiệm chi để chi lương tháng 4/2018 cho cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời L soạn thảo Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước Điện Biên đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N, số tiền đề nghị thanh toán là **1.724.336.002** đồng, trong đó, tiền bảo hành là **467.723.000** đồng, trích nộp thuế là **34.486.720** đồng, trả đơn vị thụ hưởng là **1.222.126.282** đồng tiền thanh toán chi phí xây lắp công trình. Nguyễn Đức L biết thời gian tới số tiền bảo hành công trình **467.723.000** đồng sẽ được chuyển vào tài khoản của Phòng TNMT huyện Mường N mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Mường N (viết tắt là Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N) để tạm thời quản lý, do vay nợ nhiều và không có khả năng trả nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bảo hành công trình của dự án. Để chiếm đoạt được tiền, L đã lấy 01 tờ ủy nhiệm chi theo mẫu của Ngân hàng được in sẵn rồi viết thông tin ở các mục: "*Khách hàng trả tiền; Số tài khoản; Tại Agribank*", để trống không ghi nội dung ở các mục: "*Ngày; Khách hàng thụ hưởng; Số tài khoản; Tại ngân hàng; Số tiền bằng chữ; Số tiền bằng số; Nội dung*" trình Đào Thị N - Trưởng phòng TNMT huyện Mường N ký, sau đó sẽ viết thêm các thông tin còn lại sau nhằm rút tiền ra khỏi tài khoản. Do L biết N thường kiểm soát rất kỹ các chứng từ trước khi ký nên khi trình N ký tờ ủy nhiệm chi lương tháng 4 năm 2018 tại phòng làm việc của N, L đã để tờ Ủy nhiệm chi chưa viết đủ nội dung ở gần cuối của tập chứng từ có tờ Ủy nhiệm chi lương để N không phát hiện ra. Sau khi kiểm tra xong tờ Ủy nhiệm chi lương tháng 4/2018 do có công việc cần xử lý ngay nên N chưa kiểm tra hết chứng từ và cũng chưa ký ngay tờ Ủy nhiệm chi lương trên. Lợi dụng lúc N đang bận xử lý công việc, L đảo tờ Ủy nhiệm chi chưa viết đủ nội dung đã chuẩn bị sẵn lên trên cùng của tập chứng từ chi lương tháng 4/2018. Sau khi xử lý xong công việc, N không kiểm tra tiếp mà ký luôn vào tập chứng từ do L trình nên không phát hiện ra trong tập chứng từ này có tờ Ủy nhiệm chi chưa viết đủ nội dung và đã ký duyệt vào mục chủ tài khoản. Tiếp đó, L cầm tờ Ủy nhiệm chi không về cất giữ tại Phòng làm việc. Đến ngày 20/4/2018, Kho bạc Nhà nước Điện Biên ban hành Văn bản số 422/KBĐB-KSC về việc thanh toán công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N, ngày 24/4/2018, Kho bạc Nhà nước Mường N đã chuyển tiền đến các đơn vị thụ hưởng, trong đó số tiền **1.222.126.282** đồng tiền thanh toán chi phí xây lắp công trình chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thiện T, số tiền **467.723.000** đồng là tiền bảo hành công trình chuyển vào tài khoản số **8906201001213** của Phòng TNMT huyện Mường N mở tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N để quản lý trong thời gian chờ kết thúc bảo hành theo quy định.

Khi tiền bảo hành công trình đã chuyển vào tài khoản, L gọi điện thoại cho

Bùi Ngọc B - Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường N (là bạn chơi với L), trao đổi về việc số tài khoản của L đang bị khóa không thực hiện được các giao dịch, mượn số tài khoản cá nhân của Biên để chuyển nhờ tiền vào và được Biên đồng ý. Biên cung cấp cho L số tài khoản **8906205013956** mở tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N. Ngày 26/4/2018, Nguyễn Đức L đã lấy tờ Ủy nhiệm chi chưa viết đủ nội dung N đã ký trước đó ra viết tiếp các nội dung: "Ngày: 26/4/2018; Khách hàng thụ hưởng: Bùi Ngọc B; Số tài khoản: 8906205013956; Tại ngân hàng: AGRIBANK huyện Mường N - Điện Biên; Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn; Số tiền bằng số: 467.723.000^d; Nội dung: L TNMT". Sau đó, L cầm Ủy nhiệm chi đến Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N yêu cầu chuyển số tiền **467.723.000** đồng từ tài khoản của Phòng TNMT huyện Mường N vào tài khoản của Bùi Ngọc B.

Sau khi Ngân hàng chuyển số tiền **467.723.000** đồng vào tài khoản của Biên, L gọi điện thoại và nhờ B rút tiền, chuyển khoản cho các tài khoản khác, cụ thể: Rút 145.000.000 đồng tiền mặt đưa cho L; Chuyển số tiền 230.000.000 đồng vào tài khoản số 8906215000793 mở tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N của L. Toàn bộ hai khoản tiền trên L đã sử dụng vào nạp thẻ điện thoại, thẻ điện tử, chi tiêu cá nhân, không chia cho ai và không ai biết về số tiền trên. Chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 8906205002806 mở tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N của ông Nguyễn Thị T - sinh năm: 1981, trú tại: xã Mường N, huyện Mường N, tỉnh Điện Biên để trả nợ tiền sửa chữa công trình cho ông Ngọc. Chuyển số tiền 42.000.000 đồng vào tài khoản số 8900205159309 tại Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Điện Biên của bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1990, trú tại: Tổ 1, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để trả nợ tiền vay của bà Thương và chồng bà Thương là Ngô B, phí chuyển khoản 11.000 đồng. Số tiền 712.000 đồng còn lại vẫn trong tài khoản của Bùi Ngọc B.

Đến ngày 24/12/2019, công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Ngày 27/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện Mường N ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND quyết định cho Đào Thị N nghỉ việc. Thực hiện Quyết định, N đã tiến hành bàn giao công việc của Phòng TNMT huyện Mường N cho ông Quảng Văn H - Phó Trưởng phòng theo chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện. Quá trình bàn giao, Đào Thị N chỉ bàn giao tổng thể về con người, tài sản và nhiệm vụ chuyên môn, không bàn giao theo từng đầu mục công việc đang thực hiện (thời điểm này L vẫn đang tiếp tục thực hiện các công việc được giao trước đó). N không bàn giao hồ sơ, tài liệu hay thông tin gì liên quan đến công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N.

Tại bản Kết luận giám định số 117/KL-KTHS ngày 31/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận chữ ký dưới mục "Chủ tài khoản" đứng tên Đào Thị N trên mẫu cần giám định và chữ ký của Đào Thị N trong mẫu so sánh là do cùng một người ký ra; chữ ký, chữ viết dưới mục "Kế toán trưởng" đứng tên Nguyễn Đức L trên mẫu cần giám định và chữ ký của Nguyễn Đức L trong mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 204/KL-KTHS ngày 18/01/2023 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận không tìm thấy dữ liệu điện tử trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/6/2018 trong chiếc điện thoại di động tạm giữ của Nguyễn Đức L.

Tại bản Kết luận giám định số 560/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: chữ viết tại phần nội dung trên tờ “Ủy nhiệm chi” ngày 26/4/2018 của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Mường N và chữ viết trên tờ “Bản tự khai ngày 23/12/2022 của Nguyễn Đức L” là do cùng một người viết ra; **không phát hiện dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa** tại phần nội dung trên tờ “Ủy nhiệm chi” ngày 26/4/2018 của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Mường N.

Để làm rõ nội dung của Kết luận giám định số 560/KL-KTHS ngày 07/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên có Công văn số 47A/CSĐT-PC03 ngày 10/4/2023 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giải thích nội dung tại mục 5.2 phần V. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH. Ngày 12/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên trả lời tại Công văn số 96/CV-PC09 như sau:

- Phần nội dung trong kết luận giám định nêu trên được hiểu là: phần mặt giấy được bao quanh bởi vạch kẻ in sẵn màu đen bao gồm toàn bộ phần chữ in sẵn, chữ viết tay và phần giấy để trống, phần bắt đầu có chữ in sẵn ghi nội dung: “Khách hàng trả tiền...” và phần kết thúc có chữ in sẵn ghi nội dung: “Phí ngoài Charge excluded”.

- Không phát hiện dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa bằng tác động cơ học, hóa học tại phần nội dung trên tài liệu cần giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 785/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận chữ ký dưới mục “Chủ tài khoản” đứng tên Đào Thị N trên tài liệu cần giám định với chữ ký đứng tên Đào Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại bản Cáo trạng số: 67/CT-VKSĐB-P1 ngày 17/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức L để xét xử về tội “*Tham ô tài sản*” được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đào Thị N về tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội: “*Tham ô tài sản*” được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đào Thị N phạm tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Thị N từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức L theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đào Thị N theo quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức L chịu trách nhiệm bồi thường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N số tiền đã chiếm đoạt là: **467.723.000** đồng. Khấu trừ số tiền Đào Thị N tự nguyện bồi thường **20.000.000** đồng; Nguyễn Đức L đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả **215.000.000** đồng; ông Bùi Ngọc B nộp **712.000** đồng. Bị cáo Nguyễn Đức L phải tiếp tục bồi thường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N số tiền **232.011.000** đồng.

*** Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS. Trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N số tiền **235.712.000** đồng.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức L; Đào Thị N mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền **11.600.550** đồng.

Nguyên đơn dân sự Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại Đơn xin trả lại tiền ngày 23/8/2023 có đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức L phải hoàn trả số tiền bảo hành công trình đã chiếm đoạt là 467.723.000 đồng cho Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Thị T trình bày: Do công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N cần phải sửa chữa một số công việc cụ thể là hoàn thiện phần cống thoát nước, các đơn vị thi công thống nhất thuê anh làm với số tiền 175.000.000 đồng. Đến tháng 3/2018 anh đã thực hiện xong công việc sửa chữa, bị cáo Nguyễn Đức L đã chuyển khoản chi phí thực hiện cho anh 3 lần: Ngày 23/3/2018 chuyển 75.000.000 đồng; Ngày 10/4/2018 chuyển 50.000.000 đồng; Ngày 26/4/2018 chuyển 50.000.000 đồng. Tất cả đều chuyển khoản cho anh qua tài khoản của anh Bùi Ngọc B. Anh hoàn toàn không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo L chuyển cho anh, chỉ nghĩ đó là thỏa thuận thống nhất thuê anh làm, trả tiền công cho anh. Ngoài ra không còn ý kiến gì thêm.

Ông Quảng Văn H trình bày: Từ năm 2019 ông chuyển công tác đến Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, sau đó từ tháng 6/2019 đến năm 2022 hiện đang công tác tại Mặt trận tổ quốc huyện Mường N. Trong quá trình công tác tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, ông chưa nhận bàn giao các đầu mục công việc, sổ sách, cán bộ mà bị cáo N đã nghỉ bàn giao lại, ông không biết việc bị cáo L đã rút số tiền bảo hành công trình trên.

Chị Đồng Thị D, chị Nguyễn Thị Bích H trình bày: Chị Dung hiện tại là kế toán, chị Huệ làm công tác chuyên môn về quản lý đất đai và kiêm nhiệm Thủ quỹ của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên. Khi nhận bàn giao công việc kế toán của bị cáo L, chị Dung không biết việc bị cáo L đã rút tiền bảo hành công trình trái quy định để tiêu xài cá nhân, chị Huệ không được giao thực hiện bất cứ nhiệm vụ gì liên quan đến Bãi xử lý rác thải tại trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N. Tại phiên tòa các chị không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức L, Đào Thị N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức L, Đào Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại các kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

1.1. Về hành vi “Tham ô tài sản” của bị cáo Nguyễn Đức L:

Nguyễn Đức L nguyên là Kế toán Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, có đăng ký chữ ký trong hồ sơ mở tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường N, tỉnh Điện Biên; có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tài khoản thanh, quyết toán vốn đầu tư của công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N và cùng Chủ tài khoản quản lý tiền của Công trình khi được Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên duyệt chi. Quá trình thực hiện, Nguyễn Đức L đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ tài khoản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lập tờ Ủy nhiệm chi không, chiếm đoạt số tiền 467.723.000 đồng trong tài khoản của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N để chi tiêu và trả nợ cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, chiếm đoạt số tiền 467.723.000 đồng, xâm phạm hoạt động đúng đắn của Cơ

quan nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các tổ chức, doanh nghiệp. Bị cáo là người có chức vụ quyền hạn, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định. Hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

1.2. Về hành vi “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” của bị cáo Đào Thị N:

Đào Thị N được bổ nhiệm là Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N từ ngày 15/12/2011 đến tháng 9/2019 thì nghỉ việc theo Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện Mường N. Trong quá trình được giao thực hiện nhiệm vụ là chủ đầu tư dự án Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N, Đào Thị N giao cho Nguyễn Đức L tham mưu, thực hiện việc thanh toán tiền đầu tư cho các đơn vị thụ hưởng, đồng thời ký duyệt Ủy nhiệm chi và Giấy rút dự toán đề nghị Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên chuyển 467.723.000 đồng tiền bảo hành công trình vào tài khoản của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N để quản lý trong thời gian chờ kết thúc bảo hành công trình. Với trách nhiệm là chủ tài khoản, N đã không kiểm tra trước khi ký vào tờ Ủy nhiệm chi số bút toán 48 ghi ngày 26/4/2018 nên không phát hiện được tờ Ủy nhiệm chi này không ghi nội dung, dẫn đến việc Nguyễn Đức L sử dụng tờ Ủy nhiệm chi này đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường N nơi Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N đã mở tài khoản để chiếm đoạt số tiền 467.723.000 đồng của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên.

Hành vi của Đào Thị N là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 467.723.000 đồng, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước. Đào Thị N là người có chức vụ, quyền hạn, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định. Hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa bị xét xử về tội danh nào khác, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Đức L đã tự nguyện nộp lại số tiền 215.000.000 đồng khắc phục hậu quả, có bác ruột là ông Trần Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy chương chiến sĩ vẻ vang, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đào Thị N đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả, trong quá trình công tác bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen, bố đẻ bị cáo là ông Đào Trọng N là thương binh, ông nội bị cáo là ông Đào Trọng R được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo

hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Mặc dù ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, song bị cáo Nguyễn Đức L đã lợi dụng sơ hở, thiếu sót, thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán của bị cáo Đào Thị N, dẫn đến hậu quả bị cáo Nguyễn Đức L lập khống các chứng từ, chiếm đoạt của Nhà nước số tiền 467.723.000 để chi tiêu cá nhân. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 467.723.000 đồng.

Đề nghị trị những hành vi phạm tội, xét thấy việc buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 Bộ luật hình sự để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Bị cáo Nguyễn Đức L có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Đào Thị N, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thái độ ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo Đào Thị N.

Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về áp dụng tình tiết giảm nhẹ, hình phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 360 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo Nguyễn Đức L hiện nay đang bị tạm đình chỉ công tác, gia đình hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Đào Thị N hiện nay đang kinh doanh tại Hà Nội, tuy nhiên doanh thu các tháng đều không có lợi nhuận do dịch bệnh, bị cáo đang phải nuôi con nhỏ. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức L, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 360 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Thị N.

Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền các bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước là **467.723.000** đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự cần xử lý như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Đức L đã tự nguyện nộp lại số tiền 215.000.000 đồng để khắc phục hậu quả (Ngày 30/12/2022, nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên số tiền 210.000.000 đồng; Ngày 12/9/2023 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000270 ngày 12/9/2023); bị cáo Đào Thị N đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng (Tại giấy nộp tiền ngày 03/7/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên) để khắc phục hậu quả. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Ngọc B đã nộp lại 712.000 đồng số tiền còn lại trong tài khoản (Tại giấy nộp tiền ngày 09/01/2023 nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên). Tổng số tiền là **235.712.000** đồng. Số tiền này cần tịch thu để giao lại cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Đức L còn phải tiếp tục bồi thường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N số tiền là **232.011.000 đồng** (Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm mười một nghìn đồng), trong số tiền này bị cáo Nguyễn Đức L là người đã chiếm đoạt và hưởng lợi do vậy bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu trách nhiệm bồi thường.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đức L phải hoàn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường N tiếp số tiền là **232.011.000 đồng**. Do vậy bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là $232.011.000 \text{ đồng} \times 5\% = \mathbf{11.600.550 \text{ đồng}}$ (Mười một triệu sáu trăm nghìn năm trăm năm mươi đồng).

[8] Về các vấn đề khác:

Ông Bùi Ngọc B không biết về nguồn gốc số tiền 467.723.000 đồng là do Nguyễn Đức L chiếm đoạt của Nhà nước. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra Biên đã nộp lại 712.000 đồng số tiền còn lại trong tài khoản cho cơ quan điều tra. Hành vi của Bùi Ngọc B không cấu thành tội phạm, nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Ông Lò Văn Tâm - Trưởng Phòng TNMT huyện Mường N, ông Quảng Văn H - Phó Chủ tịch MTTQ huyện Mường N (nguyên Phó Trưởng phòng TNMT huyện Mường N), bà Đồng Thị D - Kế toán Phòng TNMT huyện Mường N. Quá trình tiếp nhận công việc tại phòng TNMT huyện Mường N sau khi bà Đào Thị N nghỉ việc và Nguyễn Đức L chuyển công tác, những cá nhân này không được nhận bàn giao nội dung gì liên quan đến dự án Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N và không biết gì về số tiền 467.723.000 đồng bị Nguyễn Đức L chiếm đoạt. Nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Bích H chỉ được phân công quản lý quỹ tiền mặt của Phòng TNMT từ nguồn ngân sách chi thường xuyên, không được phân công nhiệm vụ gì liên quan đến công trình Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường N nên không biết gì về số tiền 467.723.000 đồng bị Nguyễn Đức L chiếm đoạt. Nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Các cá nhân thuộc ngân hàng NN&PTNT Mường N: Do tờ Ủy nhiệm chi ngày 26/4/2018, số bút toán 48 được điền đủ thông tin các mục ở phần nội dung, đủ chữ ký của Đào Thị N - Chủ tài khoản và Nguyễn Đức L - Kế toán trưởng của Phòng TNMT huyện Mường N theo quy định, ngân hàng NN&PTNT huyện Mường N đã tiến hành duyệt và chuyển số tiền 467.723.000 đồng từ tài khoản của Phòng TNMT huyện Mường N đến số tài khoản khách hàng thụ hưởng là Bùi Ngọc B. Không biết việc L chuyển tiền để chiếm đoạt cá nhân. Nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Thị T được Nguyễn Đức L chuyển tiền là nhằm mục đích trả nợ. Thương và Ngọc đều không biết về nguồn gốc số tiền được nhận từ L và không biết việc L tham ô tài sản. Nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “*Tham ô tài sản*”.
- Bị cáo Đào Thị N phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L 05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2023.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360, điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đào Thị N 30 (ba mươi)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành án kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo **Đào Thị N** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K, quận H, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo tại địa phương. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều, Điều 584, Điều 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự: Tịch thu số tiền **235.712.000 đồng** để giao lại cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên, cụ thể: Số tiền **210.000.000 đồng** (Giấy nộp tiền ngày 30/12/2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên); Số tiền **5.000.000 đồng** (Biên lai thu tiền số 0000270 ngày 12/9/2023 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); số tiền **20.000.000 đồng** (Giấy nộp tiền ngày 03/7/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên); số tiền **712.000 đồng** (Giấy nộp tiền ngày 09/01/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên số tiền còn lại trong tài khoản).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Đức L** phải nộp tiếp tổng số tiền là **232.011.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm mười một nghìn)** cho Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên.

Kể từ ngày Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo **Nguyễn Đức L** chậm trả tiền thì bị cáo **Nguyễn Đức L** phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: **11.600.550 đồng.**

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/9/2023). Nguyên đơn dân sự Phòng tài nguyên và môi trường huyện Mường N, tỉnh Điện Biên vắng mặt có quyền kháng cáo phần trách nhiệm dân sự có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC03);
- Các bị cáo;
- UBND xã Thanh H, huyện Điện Biên;
- UBND phường K, quận H, thành phố Hà Nội.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Đoàn